

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng:

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Dịch tễ học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Quang Thái

2. Ngày tháng năm sinh: 29/10/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 2209 Sảnh A T01, Tòa nhà Bắc Hà, 17 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

TS.BS. Phạm Quang Thái

Khoa Kiểm soát bệnh truyền nhiễm, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

Số 1 phố Yec- xanh, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại di động: 0913092777;

E-mail: phamquangthai@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2000 đến năm 2011: Nghiên cứu viên – Tiêm chủng mở rộng, Khoa Dịch tễ - Viện VSDTTU

Từ tháng 12/2011 đến tháng 6/2016: Phó trưởng khoa – Phó chủ nhiệm dự án TCMR miền Bắc, Khoa Dịch tễ - Viện VSDTTU

Từ tháng 6/2016 đến nay: Phó trưởng khoa – Trưởng văn phòng TCMR miền Bắc, Khoa Dịch tễ - Viện VSDTTU

Từ tháng 6/2019 đến nay: Phó trưởng bộ môn Thống kê-tin học y học (Kiêm nhiệm), Bộ môn Thống kê-Tin học Y học, Viện đào tạo YHDP-YTCC, Trường ĐH Y Hà Nội (kiêm nhiệm)

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng khoa/Phó trưởng bộ môn – Trưởng văn phòng TCMR miền Bắc;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa/Phó trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

Địa chỉ cơ quan: Số 1 phố Yec- xanh, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243 9721471

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

- Cơ sở Đào tạo Sau Đại học Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

- Đại học Y Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

- Cơ sở Đào tạo Sau Đại học Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

- Đại học Y Hà Nội

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 07 tháng 9 năm 2000; số văn bằng: C0258589; ngành: Y; chuyên ngành: Y tế công cộng; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 12 năm 2005; số văn bằng: Không có; ngành: Y tế quốc tế; chuyên ngành: Dịch tễ học; Nơi cấp bằng ThS: Đại học tổng hợp Bergen, Bergen, Na Uy.

- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 11 năm 2014; số văn bằng: R02956; ngành: Y; chuyên ngành: Dịch tễ học; Nơi cấp bằng TS: Đại học tổng hợp Open, Milton Keynes, Anh Quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa được bổ nhiệm/công nhận

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

13.1 Dịch tễ học các bệnh có thể dự phòng bằng vắc xin và tối ưu hóa trong triển khai tiêm chủng: Việt Nam dù đã vượt qua được nhóm nước đang phát triển thấp để vươn lên mức khá về kinh tế nhưng mô hình bệnh tật tại Việt Nam vẫn thiên về các bệnh truyền nhiễm trong đó khá nhiều đã có vắc xin dự phòng. Việc tiếp tục nghiên cứu các bệnh dự phòng được bằng vắc xin song song với nghiên cứu nhằm tối ưu hóa triển khai vắc xin bao gồm triển khai tiêm chủng và các hướng phát triển vắc xin cũng nằm trong hoạt động thường xuyên mà tôi và các cộng sự đang thực hiện. Trong quá trình triển khai vắc xin thì việc liên tục theo dõi các phản ứng thông thường, phản ứng nặng sau tiêm, đối tượng triển khai, mô hình triển khai, dự báo nguy cơ dịch và đánh chặn trước khi có dịch cũng là những việc liên tục cần thực hiện để đảm bảo chiến lược vắc xin an toàn và hiệu quả.

13.2 Ứng dụng thống kê, mô hình toán học trong phân tích, đánh giá hệ thống, xây dựng các mô hình giám sát và dự báo bệnh tật bao gồm cả truyền nhiễm và không truyền nhiễm: Cho đến nay, rất nhiều hệ thống quản lý bệnh truyền nhiễm đã được thiết lập. Số liệu thống kê bệnh truyền nhiễm rất lớn nhưng chưa thật sự tối ưu. Việc đưa ra phương pháp thu thập số liệu, phân tích thống kê và ứng dụng mô hình toán học trong dự báo dịch cũng là một hướng nghiên cứu quan trọng mà tôi cùng cộng sự tại Viện VSDTTW cũng như Bộ môn Thống kê Tin học Y học tại Đại học Y Hà Nội tập trung thực hiện. Trong suốt quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã và đang dành phần lớn thời gian và nguồn lực để khảo sát, đánh giá, hỗ trợ và can thiệp tăng cường chất lượng số liệu của các tuyến cũng như hỗ trợ nâng cao năng lực phân tích, phiên giải của các đơn vị thuộc khối y tế dự phòng và một số bệnh viện. Từ đó cải thiện khả năng lập kế hoạch, dự báo phòng chống dịch. Bên cạnh đó, các bệnh không truyền nhiễm cũng đang tăng dần về tỉ trọng, việc áp dụng thống kê trong phân tích, phiên giải cũng hết sức cần thiết và những gì đã làm với bệnh truyền nhiễm đã được chúng tôi áp dụng vào để tăng cường chất lượng các phân tích cho bệnh không truyền nhiễm.

13.3 Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ và đề xuất các biện pháp phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm bao gồm COVID-19: Việt Nam là một trong các quốc gia của khu vực Đông Nam Á, vùng rốn của các loại dịch bệnh đường hô hấp như cúm, SARS cũng như các bệnh mới nổi, việc giám sát, nghiên cứu Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm là vô cùng cần thiết bởi bệnh truyền nhiễm luôn thay đổi. Thông qua những nghiên cứu này có thể đề ra các giải pháp về giám sát, can thiệp, phòng chống dịch hợp lý và hiệu quả. Các nghiên cứu mà chúng tôi cùng cộng sự thực hiện tại Viện VSDTTW cũng như hợp tác với các tổ chức nghiên cứu nước ngoài trong thời gian qua đã góp phần xác định nguồn lây, yếu tố nguy cơ và đề ra giải pháp cho nhiều bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như Tả, Cúm A/H5N1, A/H1N1 09 đại dịch... và gần đây nhất là COVID-19.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 12 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 08 đề tài, trong đó 06 đề tài cấp Cơ sở, 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Nhà nước;

- Đã công bố 94 bài báo khoa học, trong đó 39 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 09 quyển, trong đó 09 quyển thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Thầy thuốc ưu tú

Năm	Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng	Số quyết định, ngày, tháng và cơ quan ban hành quyết định
2008	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	23/QĐ-VSDTTU' ngày 14/02/2009
2009	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	42/QĐ-VSDTTU' ngày 02/02/2010
2010	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	72/QĐ-VSDTTU' ngày 28/01/2011
2010	Chiến sỹ thi đua cấp Bộ	1745/QĐ-BYT ngày 01/06/2011
2011	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	05/QĐ-VSDTTU' ngày 06/01/2012
2011	Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Y tế về thành tích trong công tác TCMR	4775/QĐ-BYT ngày 20/12/2011
2012	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	117/QĐ-VSDTTU' ngày 25/2/2013
2012	Bằng khen của Thủ tướng chính phủ	2123/QĐ-TTg ngày 10/11/2013
2013	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y Tế	4904/QĐ-BYT, ngày 05/12/2013
2014	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	145/QĐ-VSDTTU' ngày 6/2/2015
2015	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y Tế	3506/QĐ-BYT, ngày 21/8/2015
2015	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	83/QĐ-VSDTTW ngày 20/1/2016
2016	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	45/QĐ-VSDTTW ngày 12/1/2017
2016	Chiến sỹ thi đua cấp bộ	2229/BYT, ngày 31/5/2017
2017	Danh hiệu Thầy thuốc ưu tú	367/QĐ-CTN ngày 24/02/2017 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam
2019	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	28/QĐ-VSDTTW ngày 09/1/2020
2020	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	1158/QĐ-BKHCN, ngày 05/05/2020
2020	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	07/QĐ-VSDTTW ngày 07/1/2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Nhiều năm hoàn thành và vượt giờ giảng tối thiểu theo quy định.
- Hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thông qua tổ chức triển khai nhiều đề tài các cấp (cơ sở, thành phố) và xuất bản trong nước, quốc tế cũng như tham gia các hội nghị trong nước và quốc tế trong đó có những bài giá trị trên những tạp chí quốc tế có điểm IF cao.
- Hướng dẫn thành công nhiều khóa luận cho sinh viên đại học, luận văn cho học viên cao học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/ Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2009-2010				2			
2	2010-2011				2			
3	2011-2012				2			
4	2012-2013				3			
5	2013-2014				2			
6	2014-2015				2			
7	2015-2016			0	1	120	0	120 / 135 / 135
8	2016-2017			0	1	120	50	170 / 177,5 / 135
9	2017-2018			3	1	120	70	190 / 242,5 / 135
03 năm học cuối								
10	2018-2019			3	2	39	46	85 / 192,6 / 135
11	2019-2020			2	1	40,4	128,4	168,8 / 273,1 / 135
12	2020-2021			4	0	69,58	163,64	233,22 / 438,52 / 135

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn Thạc sỹ tại Na Uy năm 2005 và luận án Tiến sỹ tại Anh năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, số bằng: 117495; năm cấp: 1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Giảng dạy cho Đại học Thủy Điện theo mô hình trực tuyến.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngoại ngữ; số bằng: 117495; năm cấp: 1998

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ...đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Mbinta Fenibe Jame		✓		✓	2016 - 2017	Trường ĐH Y Hà Nội	03/10/2017
2	Lê Thanh Hà		✓		✓	2016 - 2017	Trường ĐH Y Hà Nội	03/10/2017
3	Nguyễn Thị Khánh Linh		✓		✓	2016 - 2017	Trường ĐH Y Hà Nội	03/10/2017
4	Peou Dom		✓	✓		2017 - 2018	Trường ĐH Y Hà Nội	24/09/2018
5	Ngô Thị Tâm		✓	✓		2017 - 2018	Trường ĐH Y Hà Nội	03/12/2018
6	Nguyễn Thị Huế		✓	✓		2017 - 2018	Trường ĐH Y Hà Nội	03/12/2018
7	Trịnh Thảo Nguyễn		✓	✓		2018 - 2019	Trường ĐH Y Hà Nội	11/09/2019
8	Phạm Văn Khang		✓	✓		2018 - 2019	Trường ĐH Y Hà Nội	16/12/2019
9	Trần Thị Thúy Hà		✓	✓		2019 - 2020	Trường ĐH Y Hà Nội	15/01/2021
10	Nguyễn Nhật Tân		✓	✓		2019 - 2020	Trường ĐH Y Hà Nội	15/01/2021
11	Lưu Đức Mỹ		✓	✓		2019 - 2020	Trường ĐH Y Hà Nội	15/01/2021
12	Hoàng Thị Mình Thùy		✓	✓		2019 - 2020	Trường ĐH Y Hà Nội	15/01/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Cúm A/H1N1/09 Đại dịch tại Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Y học, 2012	9		Sách không ghi rõ	Giấy xác nhận ngày 10/2/2017 của Viện VSDTTU'
2	Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh do vi rút EBOLA tại cộng đồng	HD	Nhà xuất bản Y học, 2014	10		Sách không ghi rõ	Giấy xác nhận ngày 11/8/2017 của Viện VSDTTU'
3	Atlas các bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam giai đoạn 2000-2011	CK	Nhà xuất bản Y học, 2014	36		Sách không ghi rõ	
II	Sau khi được công nhận TS						
4	Thống kê y sinh học ứng dụng	GT	Nhà xuất bản Y học, 2017	10		Sách không ghi rõ	Giấy xác nhận ngày 28/5/2021 của Viện SR-KST-CT-TU'
5	Khuyến cáo lịch sử dụng vắc xin cho mọi lứa tuổi ở Việt Nam	HD	Nhà xuất bản Y học, 2018	7		Sách không ghi rõ	
6	Phương pháp tính cỡ mẫu và chọn mẫu trong nghiên cứu y sinh học	GT	Nhà xuất bản Y học, 2019	13	✓	7-15; 52-69	Giấy xác nhận ngày 28/5/2021 của Viện SR-KST-CT-TU'
7	Dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm phổ biến	GT	Nhà xuất bản Y học, 2019	24		53-65; 130-166; 212-229	
8	Hướng dẫn cơ bản trong phòng, chống dịch bệnh viêm	HD	Nhà xuất bản Y học, 2020	9		Sách không ghi rõ	

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	đường hô hấp cấp (COVID-19)						
9	Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học (tập 2)	GT	Nhà xuất bản Y học, 2021	18		Sách không ghi rõ	

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/ Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Xây dựng mô hình giám sát điểm (SENTINEL) một số bệnh truyền nhiễm gây dịch tại tỉnh Hải Dương	Thư ký	Cấp Bộ	15/9/2006 đến 15/9/2008	22/01/2010 Xếp loại Đạt
2	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng bệnh tả và đề xuất các giải pháp chống dịch tại Việt Nam	Thành viên	Mã số ĐTĐL.2008G/21 Cấp Nhà nước	01/2008 đến 03/2010	27/07/2010 Xếp loại Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận TS				
3	Kiến thức, thái độ, thực hành của các bà mẹ trong việc chăm sóc trẻ sau tiêm chủng vắc xin Quinvaxem và một số yếu tố liên quan tại quận Hồng Bàng – TP. Hải Phòng năm 2016	Chủ nhiệm	Cấp Cơ sở	05/2016 đến 04/2017	14/09/2017 Xếp loại Xuất sắc
4	Đánh giá nhu cầu của cán bộ Y tế và các yếu tố quyết định của nhà sản xuất về số liều trong lọ vắc xin dùng trong tiêm chủng mở rộng	Tham gia	Cấp Cơ sở	11/2017 đến 06/2019	15/08/2019 Xếp loại Khá

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/ Xếp loại KQ
5	Nghiên cứu hoạt động và tình trạng tiếp xúc hàng ngày của người khỏe mạnh ở khu vực nông thôn và thành thị tại tỉnh Hà Nam Việt Nam liên quan tới một số yếu tố nguy cơ đối với hội chứng não cấp	Chủ nhiệm	Cấp Cơ sở	01/2017 đến 06/2019	07/02/2021 Xếp loại Đạt
6	Thực trạng kiến thức về sức khỏe của bà mẹ có con dưới 3 tuổi sử dụng dịch vụ tại Phòng tiêm chủng Trường Đại học Y Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2019	Chủ nhiệm	Cấp Cơ sở	10/2019 đến 06/2020	08/07/2021 Xếp loại Xuất sắc
7	Tính giá trị và độ tin cậy của bộ câu hỏi đánh giá mức độ nghiện trò chơi điện tử trực tuyến ở trẻ vị thành niên tại Hà Nội năm 2019	Thành viên	Cấp Cơ sở	11/2019 đến 03/2020	08/07/2021 Xếp loại Xuất sắc
8	Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường type II mắc kèm tăng huyết áp tại bệnh viện Nội tiết Trung ương năm 2019-2020	Thành viên	Cấp Cơ sở	07/2019 đến 05/2020	09/12/2020 Xếp loại Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận TS								
1	Modelling the progression of pandemic influenza A (H1N1) in Vietnam and the opportunities for reassortment with other influenza viruses	8		BMC Medicine	ISI	57	7, 43	2009
2	Đặc điểm vụ dịch sởi tại Ninh Bình năm 2008	3		Tạp chí Y học Dự phòng	IF	NA	19, 3 (102), 12-18	2009
3	What is the evidence of a role for host genetics in susceptibility to influenza A/H5N1?	13		Epidemiology and Infection	ISI	65	138, 11, 1550-1558	2010
4	H5N1-SeroDetect EIA and rapid test: a novel differential diagnostic assay for serodiagnosis of H5N1 infections and surveillance	10		Journal of Virology	ISI	29	85, 23, 12455-12463	2011
5	Social contact patterns in Vietnam and implications for the control of infectious diseases	13		PloS One	ISI	141	6(2): e16965	2011
6	Identification of H5N1-Specific T-Cell Responses in a High-risk Cohort in Vietnam	19		The Journal of Infectious diseases	ISI	38	205, 1, 20-27	2011

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	Indicates the Existence of Potential Asymptomatic Infections							
7	Một số đặc điểm dịch sởi tại miền bắc Việt Nam 2008-2009	3		Tạp chí Y học Dự phòng	IF	NA	21, 5, 37-45	2011
8	Influenza Infection Rates, Measurement Errors and the Interpretation of Paired Serology	9		PLOS: Pathogens	ISI	81	8(12): e1003061	2012
9	The Epidemiology of Interpandemic and Pandemic Influenza in Vietnam, 2007–2010. The Ha Nam Household Cohort Study I	12		American Journal of Epidemiology	ISI	83	175, 10, 1062-1074	2012
10	Hot spot detection and spatio-temporal dispersion of dengue fever in Hanoi, Vietnam	6		Global Health Action	ISI	60	6,1, 18632	2013
11	Một số đặc điểm dịch sởi tại Lai Châu và Lào Cai năm 2013	10	Có	Tạp chí Y học Dự phòng	IF	NA	23, 11 (147), 142	2013
12	Determinants of Influenza Transmission in South East Asia: Insights from a Household Cohort Study in Vietnam	11		PLOS: Pathogens	ISI	29	10, 8, e1004310	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
13	Investigation of Dengue and Japanese Encephalitis Virus Transmission in Ha Nam, Viet Nam	14		The American Journal of Tropical Medicine and Hygiene	ISI	8	90, 5, 892-896	2014
14	Hemagglutination inhibiting antibodies and protection against seasonal and pandemic influenza infection	16		The Journal of Infection	ISI	35	70, 2, 187-196	2014
15	Pandemic H1N1 virus transmission and shedding dynamics in index case households of a prospective Vietnamese cohort	16	Có	The Journal of Infection	ISI	38	68, 6, 581-590	2014
16	Antibody landscapes after influenza virus infection or vaccination	34		Science	ISI	295	346 (6213): 996-1000	2014
17	The development of Vietnam Atlas of Communicable Diseases	6		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	1E, 1 (1), 85	2014
18	Một số đặc điểm bệnh sởi và rubella khu vực miền bắc Việt Nam giai đoạn 2007-2011	8		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	24, 6 (155), 40	2014
Sau khi được công nhận TS								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
19	Seasonality of absolute humidity explains seasonality of influenza-like illness in Vietnam	9	Có	Journal of Clinical	ISI	57	13, 65-73	2015
20	A dengue outbreak on a floating village at Cat Ba Island in Vietnam	12		Journal of Virology (JVI)	ISI	15	15, 940	2015
21	Region-wide synchrony and traveling waves of dengue across eight countries in Southeast Asia	29		PNAS	ISI	91	112, 42, 13069 - 13074	2015
22	Spatial epidemiology of cholera outbreaks in the Bac Ninh province of Vietnam, from 2007 to 2011	8	Có	Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	25, 2 (162), 76-84	2015
23	Adverse events after Quinvaxem vaccination among children and their mother' practices on post-immunization monitoring in Bac Ninh province, 2014	6	Có	Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	25, 7 (167), 23-26	2015
24	ArcGIS application detecting hot spot of Dengue in Hanoi, Vietnam 2008-2013	8		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	25, 7 (167), 66-74	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
25	Đặc điểm lan truyền và phân bố ca bệnh trong vụ dịch sởi khu vực miền Bắc Việt nam, 2013-2014	9		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	25, 8 (168), 81-88	2015
26	Một số đặc điểm viêm não Nhật Bản tại Sơn La năm 2014	13		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	25, 8 (168), 179-185	2015
27	Đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng viêm não – màng não tại bệnh viện Nhi Trung ương năm 2011-2014	9		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	25, 8 (168), 186-192	2015
28	Đánh giá hoạt động giám sát liệt mềm cấp/ bại liệt ở Việt Nam, 2010 - 2014	12		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	25, 9 (169), 30-39	2015
29	Thực trạng đảm bảo quy trình tiêm chủng an toàn trong buổi tiêm chủng và một số yếu tố liên quan tại các trạm y tế thành phố Hải Dương	3		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	25, 12+13, 106-115	2015
30	Epidemiology and etiology of influenza-like-illness in households in Vietnam; it's not all about the kids!	13		Journal of Clinical Virology journal	ISI	37	82, 126-132	2016
31	Association between Hemagglutinin stem-reactive antibodies and influenza	11		Journal of Virology (JVI)	ISI	6	90, 14, 6549 - 6556	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	A/H1N1 infection during the 2009 pandemic							
32	Thực trạng hoạt động điểm tiêm chủng ngoài trạm y tế tại 16 xã của tỉnh Lào Cai, Nghệ An, Đắk Nông và Kiên Giang năm 2014	3		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	26, 4 (177), 89-97	2016
33	Một số đặc điểm dịch tễ hội chứng rubella bẩm sinh được giám sát tại bệnh viện Nhi trung ương, 2011-2016	13		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	26, 10 (183), 35-41	2016
34	Tác động của các yếu tố khí hậu lên bệnh sốt Dengue/ sốt xuất huyết Dengue tại Hà Tĩnh, Quảng Nam và Cà Mau theo kịch bản biến đổi khí hậu năm 2011	11		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	26, 10 (183), 74-83	2016
35	Endemic pertussis in northern region of Viet Nam from 1995 to 2014 as a predictor of pertussis outbreak in 2015	7	Có	Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	26, 12 (185), 44-53	2016
36	Một số đặc điểm dịch tễ và lâm sàng của bệnh sởi năm 2013 - 2014 ở miền Bắc Việt Nam	5		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	26, 15 (188), 21-31	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
37	Đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng các trường hợp ho gà và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2015	5	Có	Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	26, 15 (188), 39-47	2016
38	Strongyloides stercoralis seroprevalence in Vietnam	11		Epidemiology & Infection Cambridge Core	ISI	9	145, 15, 3214 - 3218	2017
39	Absolute humidity drives the epidemiology of influenza-like illness in Vietnam	9	Có	All Science Journal Classification	ISI	NA	2017 (1), 87-89	2017
40	Thực trạng tiêm chủng, kiến thức, thái độ thực hành tiêm chủng mở rộng tại 2 huyện biên giới của tỉnh Lạng Sơn năm 2015	3		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	27, 1, 77-84	2017
41	Một số đặc điểm dịch tễ học uốn ván sơ sinh khu vực miền Bắc, Việt Nam 2014 - 2016	10		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	27, 3PB, 81-87	2017
42	Kiến thức, thái độ, thực hành của các bà mẹ trong việc chăm sóc trẻ sau tiêm chủng vắc xin Quinvaxem và một số yếu tố liên quan tại quận Hồng Bàng, thành phố Hải	4	Có	Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	27, 3PB, 88-97	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	Phòng năm 2016							
43	Đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến biến chứng của bệnh ho gà tại Hà Nội, năm 2015 – 2016	6		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	27, 6, 61-68	2017
44	Tình trạng miễn dịch đối với sởi của một số nhóm trẻ em và phụ nữ ở một số tỉnh miền Bắc Việt Nam, năm 2013	5		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	27, 7, 26-33	2017
45	Kiến thức và thực hành của chuyên trách kho về bảo quản vắc xin trong dây chuyền lạnh tại miền Bắc Việt Nam năm 2017	9	Có	Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	27, 8, 472-477	2017
46	The relationship between El Nino Southern oscillation and measles cases in Northern Vietnam	6		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	28, 3, 96 - 101	2018
47	Thực trạng tiêm chủng đầy đủ đúng lịch và một số yếu tố ảnh hưởng ở trẻ dưới một tuổi tại huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái năm 2017	5		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	28, 4PB, 85-93	2018
48	Nghiên cứu mô tả các trường hợp phản ứng nặng	5		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	28, 6, 84 - 92	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	sau tiêm chủng mở rộng ở miền Bắc Việt Nam từ 2013 – 2017							
49	Modelling of hand foot and mouth disease in Hai Phong Vietnam 2012 - 2016	6		Tạp chí nghiên cứu Y học (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	116E3, 7, 75-86	2018
50	Some epidemiological characteristics of human rabies in Northern Vietnam, 2011 - 2017	5		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	28, 10, 29-36	2018
51	Tỷ lệ tấn công trong vụ dịch sởi tại Hà Nội 2013-2014	5		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	28, 11, 53-59	2018
52	Burden of disease and economic impact of human Streptococcus suis infection in Viet Nam	8		Transactions of The Royal Society of Tropical Medicine and Hygiene	ISI	9	113, 6, 341-350	2019
53	Rapid Disappearance of Poliovirus Type 2 (PV2) Immunity in Young Children Following Withdrawal of Oral PV2-Containing Vaccine in Vietnam	10		The Journal of Infectious Diseases	ISI	6	220, 3, 386-391	2019
54	Sero-prevalence surveillance to predict vaccine-preventable	15		Open Forum Infectious Diseases	ISI	7	6, 3, 030	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	disease outbreaks; a lesson from the 2014 measles epidemic in northern Vietnam							
55	Injectional anthrax among people who inject drugs and implications for research in Vietnam: a literature review	7-19		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	29, 4, 7-19	2019
56	Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sởi tại Hà Nội giai đoạn 2006 - 2015	5		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	29, 10, 38-44	2019
57	Thực trạng triển khai hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia tại tỉnh Hà Nam năm 2019	11		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	29, 12, 9-15	2019
58	Một số đặc điểm dịch sởi tại Sa Pa, Lào Cai năm 2018	8	Có	Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	29, 12, 16-24	2019
59	Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sởi tại khu vực miền Bắc Việt Nam, 2018	10		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	29, 12, 33 - 40	2019
60	Thực trạng hệ thống dây truyền lạnh tuyến tỉnh tại các trung tâm kiểm soát bệnh tật/trung tâm Y tế dự phòng khu vực miền Bắc và khả năng triển	8		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	29, 12, 41 - 46	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	khai Thực hành bảo quản tốt vắc xin, 2018-2019							
61	Nhu cầu về số liệu trong mỗi lọ vắc xin của cán bộ y tế tham gia công tác tiêm chủng mở rộng tại Việt Nam năm 2018	14		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	29, 12, 102-110	2019
62	Explore the potential of using GPS personal device and contact patterns in Ha Nam province to estimate the risk of communicable disease, Vietnam, 2016-2018	3	Có	Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	29, 14, 52	2019
63	Đặc điểm dịch tễ học bệnh viêm não vi rút khu vực miền Bắc Việt Nam, năm 2008 – 2017	3	Có	Tạp chí Y học dự phòng,	IF	NA	29, 15, 22-30	2019
64	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B của sản phụ sinh tại bệnh viện và kiến thức, thực hành phòng lây nhiễm viêm gan B từ mẹ sang con của cán bộ y tế tại bệnh viện công lập tỉnh Bắc Giang năm 2017	6		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	29, 12, 25-32	2019
65	Heatwaves and dengue outbreaks in Hanoi,	10		PLOS Neglected	ISI	7	14(1): e0007997	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	Vietnam: New evidence on early warning			Tropical Diseases				
66	Influenza A(H1N1)pdm09 but not A(H3N2) virus infection induces durable sero-protection: results from the Ha Nam Cohort	16		The Journal of Infectious Diseases	ISI	3	jiaa293	2020
67	Transmission of SARS-CoV 2 During Long-Haul Flight	14	Có	Emerging Infectious Diseases	ISI	92	26 (11): 2617-2624	2020
68	The first 100 days of SARS-CoV-2 control in Vietnam	19	Có	Clinical Infectious Diseases	ISI	55	72, 9, 334-342	2020
69	Factors associated with the duration of hospitalisation among COVID-19 patients in Vietnam: A survival analysis	12	Có	Epidemiology & Infection, 1-7.	ISI	33	148, 114	2020
70	Combating the COVID-19 Epidemic: Experiences from Vietnam	6		International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI	77	17(9), 3125	2020
71	Does sunlight drive seasonality of TB in Vietnam? A retrospective environmental ecological study of tuberculosis seasonality in Vietnam from 2010 to 2015	8		BMC Infectious Diseases	ISI	5	20, 184	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
72	Plans for Nationwide Serosurveillance Network in Vietnam	33		Emerging infectious diseases	ISI	1	26, 1, 1	2020
73	Health Care Worker Preferences and Perspectives on Doses per Container for 2 Lyophilized Vaccines in Senegal, Vietnam, and Zambia	14		Global Health Science Practice	ISI	2	8, 4, 680-688	2020
74	Thực trạng triển khai và chất lượng số liệu trên hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia tại địa bàn tỉnh Sơn La năm 2019	5		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	30, 3, 72-79	2020
75	Physical activity and cognitive impairment among the elderly in some districts of Ha Nam province in 2018	3	Có	Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	30, 4, 35-41	2020
76	Nutritional status of breast cancer patients and the related factors at Vietnam National Cancer hospital in 2019-2020	7		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	30, 4, 42-51	2020
77	Temporal and spatial characteristics of the dengue hemorrhagic	7		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	30, 4, 52-60	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	fever outbreak in Hanoi in 2017							
78	Coverage of hepatitis B vaccine birth dose in Vietnam during 2014 - 2018	5		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	30, 4, 86-93	2020
79	Chất lượng số liệu hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia của một số bệnh viện có phòng sinh tại tỉnh Nam Định năm 2019	6		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	30, 7, 26-34	2020
80	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch các vắc xin của trẻ em dưới 1 tuổi tại huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội năm 2019	8		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	30, 7, 59-66	2020
81	Kiến thức, thực hành của giáo viên về phòng chống bệnh dại tại tỉnh Sơn La, 2019	6		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	30, 7, 86-93	2020
82	Some results of measles/rubella surveillance in Vietnam during 2010 - 2019	7		Tạp chí Y học dự phòng	ISI	NA	30, 9, 26-33	2020
83	Health literacy among mothers of under 3 years old children at the Hanoi Medical University Clinic: A latent class	18		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	ISI	NA	30, 9, 51-58	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	analysis							
84	Giám sát liệt mềm cấp/ bại liệt ở Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2019	11		Tạp chí Y học dự phòng	ISI	NA	30, 10, 95-105	2020
85	Successful containment of a flight-imported COVID-19 outbreak through extensive contact tracing, systematic testing and mandatory quarantine: lessons from Vietnam	14		Travel Medicine and Infectious Disease	ISI	NA	2021: 102084	2021
86	Rabies-infected dogs at slaughterhouses: A potential risk of rabies transmission via dog trading and butchering activities in Vietnam	9		Zoonoses and Public Health	ISI	NA	2001; 00:1-8	2021
87	Epidemiological and molecular characteristics of a measles outbreak in northern Vietnam, 2013–2014	8		Journal of Clinical Virology	ISI	1	139, 104840	2021
88	Timeliness of contact tracing among flight passengers during the COVID-19 epidemic in Vietnam	18	Có	BMC Infectious Diseases	ISI	NA	21, 393	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
89	Proactive response and innovative approaches to SARS-CoV-2 in Vietnam	12		BMJ Innovations	ISI	NA	2021, 7, 1-6	2021
90	Association of public health interventions and COVID-19 incidence in Vietnam, January to December 2020	16		International Journal of Infectious Diseases	ISI	1	28/07, 2021	2021
91	Estimating and mitigating the risk of COVID-19 epidemic rebound associated with reopening of international borders in Vietnam: a modelling study	15		Lancet Global Health	ISI	4	9, 7, 916-924	2021
92	Reliability and validity of the Internet Gaming Disorder-20 Test among Vietnamese teenagers	9		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	30, 4, 118-128	2021
93	Promotion of e-cigarettes by providers and users' feedback in some social networks in Vietnam in 2019	12		Tạp chí Y học dự phòng (phiên bản tiếng Anh)	IF	NA	31, 4, 107-117	2021
94	Thực trạng tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh tại	5		Tạp chí Y học dự phòng	IF	NA	31, 7, 55-61	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	Việt Nam, giai đoạn 2010 – 2019							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 06 bài báo, số thứ tự 19, 39, 67, 68, 69, 88.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Tham gia soạn thảo cập nhật, sửa đổi Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Y học dự phòng của Viện VSDTTW.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Quang Thái